

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019**

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-25
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-25

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng theo:

- Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 25/03/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng.
- Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 29/06/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng thành Công ty Cổ phần.
- Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc hoàn tất thủ tục chuyển Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200534908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Đăng Hưng	Chủ tịch
Ông Đỗ Trọng Nam	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Luân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Trọng Nam	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Khải	Phó Tổng Giám đốc

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K - Chi nhánh miền Bắc đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc *HL*



Đỗ Trọng Nam
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 03 năm 2020

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi, Hoàng Đăng Hưng - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị, *HL*



Hoàng Đăng Hưng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hải Phòng, ngày 12 tháng 03 năm 2020



Số: 1203/2020/BCKT-TC/HP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng được lập ngày 12 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K - Chi nhánh miền Bắc



Vũ Kim Hồng

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3703-2016-045-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thu Huyền

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3708-2018-045-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		38.736.345.793	29.368.618.620
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.668.503.470	10.104.613.441
111	1. Tiền		5.418.503.470	3.463.733.505
112	2. Các khoản tương đương tiền		250.000.000	6.640.879.936
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	450.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		450.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		32.617.842.323	19.165.623.361
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	29.228.546.957	14.063.933.056
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.063.350.523	4.547.360.970
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	325.944.843	554.329.335
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	98.381.818
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	98.381.818
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	-	-
155	1. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		30.983.292.798	33.330.794.026
220	II. Tài sản cố định		30.983.292.798	33.330.794.026
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	30.983.292.798	33.330.794.026
222	- Nguyên giá		61.178.642.669	59.639.714.260
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(30.195.349.871)	(26.308.920.234)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		69.719.638.591	62.699.412.646

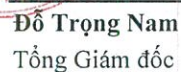
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNGSố 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		31.320.199.728	23.363.866.891
310	I. Nợ ngắn hạn		31.320.199.728	23.363.866.891
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	14.064.702.687	5.504.707.816
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10	5.640.772.649	4.240.772.649
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	3.096.931.516	4.576.350.017
314	4. Phải trả người lao động		4.835.225.758	4.640.302.936
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	17.643.434	1.543.569.254
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13	1.292.624.183	979.815.881
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	14	2.175.366.295	1.772.875.436
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		196.933.206	105.472.902
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		38.399.438.863	39.335.545.755
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	23.178.437.841	22.644.410.879
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.000.000.000	20.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		20.000.000.000	20.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		974.716.575	557.293.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.203.721.266	2.087.117.879
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		-	7.685.795
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		2.203.721.266	2.079.432.084
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		15.221.001.022	16.691.134.876
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		15.221.001.022	16.691.134.876
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		69.719.638.591	62.699.412.646


Phạm Thị Thu Hằng
Người lập

Nguyễn Thị Luân
Kế toán trưởng

Đỗ Trọng Nam
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNGSố 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	88.604.353.810	81.650.795.825
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		88.604.353.810	81.650.795.825
11	4. Giá vốn hàng bán	18	77.096.515.085	70.851.863.923
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.507.838.725	10.798.931.902
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	214.294.360	193.067.525
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	9.193.840.056	9.243.077.940
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.528.293.029	1.748.921.487
31	11. Thu nhập khác	21	226.359.999	857.907.157
32	12. Chi phí khác	22	1.446	6.030.831
40	13. Lợi nhuận khác		226.358.553	851.876.326
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.754.651.582	2.600.797.813
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	550.930.316	521.365.729
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.203.721.266</u>	<u>2.079.432.084</u>

Phạm Thị Thu Hằng
Người lậpNguyễn Thị Luân
Kế toán trưởngĐỗ Trọng Nam
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.754.651.486	2.600.797.813
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.886.429.637	2.613.440.563
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		186.338.140	(249.431.161)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.827.419.263	4.964.807.215
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(13.353.837.144)	(8.476.903.556)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	3.508.375.575
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		8.035.308.042	5.585.514.798
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(721.365.729)	(388.224.048)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	7.685.795
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.391.215.670)	(1.537.760.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.603.691.238)	3.663.495.779
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.939.560.909)	(5.174.879.455)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	56.363.636
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(450.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		214.294.360	204.936.716
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.175.266.549)	(4.913.579.103)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(657.152.184)	(684.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(657.152.184)	(684.500.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.436.109.971)	(1.934.583.324)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.104.613.441	12.039.196.765
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		5.668.503.470	10.104.613.441



Phạm Thị Thu Hằng
Người lập



Nguyễn Thị Luân
Kế toán trưởng



Đỗ Trọng Nam
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng theo:

- Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 25/03/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng.

- Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 29/06/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng thành Công ty Cổ phần.

- Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc hoàn tất thủ tục chuyển Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200534908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 20.000.000.000 đồng, tương đương 2.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ và xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, thoát nước;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện chiếu sáng công cộng, điện các công trình công nghiệp;
- Xây dựng kè biển, kè chắn núi, kè sông hồ, kè đê;
- Bán buôn hoa và cây;
- Trồng coi xe ô tô, xe đạp, xe máy;
- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Dịch vụ ăn uống hàng tươi sống hải sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê;
- Thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, giao thông đường bộ, cầu, hầm, khảo sát địa hình các công trình xây dựng;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề: đu quay, đu lạch tâm, ô tô điện, tàu du lịch;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác: kéo dù bay trên biển, cho thuê xe đạp, xe ô tô điện, tàu du lịch;
- Dịch vụ massage, xông hơi và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Hoạt động dịch vụ tang lễ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: trong vòng 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Xây dựng cơ bản	Số 8 khu I, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng	Sửa chữa, cải tạo đường, vỉa hè, kênh biển và các công trình thoát nước
Xí nghiệp Công viên cây xanh	Số 8 khu I, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng	Duy tu thường xuyên và không thường xuyên các hạng thuộc về Công viên cây xanh
Xí nghiệp Quản lý Môi trường	Số 8 khu I, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng	Duy tu thường xuyên và không thường xuyên các hạng mục thuộc về Môi trường

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Số dư tiền mặt tại 31/12/2019 không bao gồm khoản cổ tức chi trả cho các cổ đông năm 2016, 2017 và 2018 với tổng số tiền: 226.306.000 VND (tại 01/01/2019 là: 131.106.000 VND).

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm

2.8 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.9 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.10 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống ...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

2.12 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động thường xuyên là doanh thu duy tu cây xanh, vệ sinh môi trường, điện chiếu sáng công cộng tại các địa bàn tại 2 quận Đồ Sơn và Dương Kinh được Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng làm chủ đầu tư tổ chức thực hiện đấu thầu dịch vụ công ích năm 2019.

Doanh thu không thường xuyên là doanh thu từ các công trình xây mới, sửa chữa, bảo trì các công trình công cộng của thành phố mà Công ty đấu thầu được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Theo đó, các cá nhân trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này được coi là bên liên quan của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	439.126.731	138.246.510
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.979.376.739	3.325.486.995
Các khoản tương đương tiền	250.000.000	6.640.879.936
	5.668.503.470	10.104.613.441

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	450.000.000	450.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	450.000.000	450.000.000	-	-
	450.000.000	450.000.000	-	-

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Sở Xây dựng Hải Phòng	25.439.782.957	-	11.700.789.056	-
Sở giao thông Hải Phòng	3.413.920.000	-	1.964.704.000	-
Phải thu khách hàng khác	374.844.000	-	398.440.000	-
	29.228.546.957	-	14.063.933.056	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Nghĩa trang nhân dân	2.191.929.916	-	-	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	871.420.607	-	4.547.360.970	-
	3.063.350.523	-	4.547.360.970	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Đặt cọc bảo lãnh công trình	-	-	210.157.000	-
Phải thu thuế thu nhập cá nhân của người lao động	58.965.087	-	69.406.957	-
Lãi tiền gửi dự thu	6.516.164	-	20.210.877	-
Phải thu khác	260.463.592	-	254.554.501	-
	325.944.843	-	554.329.335	-

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	31.962.313.053	959.772.728	26.717.628.479	59.639.714.260
- Mua trong năm	-	-	1.939.560.909	1.939.560.909
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(400.632.500)	(400.632.500)
Số dư cuối năm	31.962.313.053	959.772.728	28.256.556.888	61.178.642.669
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	13.629.240.310	543.193.859	12.136.486.065	26.308.920.234
- Khấu hao trong năm	265.850.862	146.640.264	2.404.437.157	2.816.928.283
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(400.632.500)	(400.632.500)
- Hao mòn tài sản nguồn sự nghiệp (*)	1.330.318.254	-	139.815.600	1.470.133.854
Số dư cuối năm	15.225.409.426	689.834.123	14.280.106.322	30.195.349.871
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	18.333.072.743	416.578.869	14.581.142.414	33.330.794.026
Tại ngày cuối năm	16.736.903.627	269.938.605	13.976.450.566	30.983.292.798

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là: 7.225.291.342 đồng (tại ngày 01/01/2019 là: 4.372.544.700 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNGSố 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Xí nghiệp Xây dựng cơ bản	6.907.765.294	-	464.061.333	-
Xí nghiệp quản lý môi trường	4.635.213.071	-	-	-
Xí nghiệp công viên cây xanh	1.458.220.242	-	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.063.504.080	-	5.040.646.483	-
	<u>14.064.702.687</u>	<u>-</u>	<u>5.504.707.816</u>	<u>-</u>

10 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Nghĩa trang nhân dân	5.400.000.000	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	240.772.649	4.240.772.649
	<u>5.640.772.649</u>	<u>4.240.772.649</u>

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.017.096.919	3.615.202.350	4.006.129.031	-	1.626.170.238
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	596.069.102	550.930.316	721.365.729	-	425.633.689
Thuế Thu nhập cá nhân	-	163.183.996	626.817.590	682.461.997	-	107.539.589
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	1.800.000.000	310.847.000	1.173.259.000	-	937.588.000
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	4.576.350.017	5.106.797.256	6.586.215.757	-	3.096.931.516

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNGSố 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí phải trả của công trình "Trồng cây xanh trên tuyến đường Phạm Văn Đồng (long não)"	17.643.434	1.543.569.254
	<u>17.643.434</u>	<u>1.543.569.254</u>

13 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Doanh thu bán hầm mộ và chăm sóc, trông coi mộ phần	974.642.699	744.342.699
- Doanh thu phí dịch vụ vệ sinh	317.981.484	235.473.182
	<u>1.292.624.183</u>	<u>979.815.881</u>

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Phí vệ sinh phải trả	1.008.778.499	906.826.981
- Phải trả khác cho người lao động	189.902.266	176.325.000
- Phải trả khác của công trình thoát nước	681.275.455	681.275.455
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	295.410.075	8.448.000
	<u>2.175.366.295</u>	<u>1.772.875.436</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	-	7.685.795	20.007.685.795
Tăng vốn trong năm trước	-	557.293.000	-	557.293.000
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	2.079.432.084	2.079.432.084
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	557.293.000	2.087.117.879	22.644.410.879
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	557.293.000	2.087.117.879	22.644.410.879
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	2.203.721.266	2.203.721.266
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	417.423.575	(417.423.575)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.001.694.304)	(1.001.694.304)
Chi trả cổ tức	-	-	(668.000.000)	(668.000.000)
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	974.716.575	2.203.721.266	23.178.437.841

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 số 12/NQ-ĐHĐCĐ.2019 ngày 26/4/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	2.087.117.879
Trích Quỹ đầu tư phát triển	20,00%	417.423.575
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	47,99%	1.001.694.304
Chi trả cổ tức (3,34% Vốn điều lệ)	32,01%	668.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước	57,52%	11.504.340.000	57,52%	11.504.340.000
Vốn góp của các cổ đông khác	42,48%	8.495.660.000	42,48%	8.495.660.000
	100%	20.000.000.000	100%	20.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.000.000.000	20.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>131.106.000</i>	<i>42.547.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>668.000.000</i>	<i>668.000.000</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	<i>668.000.000</i>	<i>668.000.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>572.800.000</i>	<i>579.441.000</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	<i>572.800.000</i>	<i>579.441.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>226.306.000</i>	<i>131.106.000</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	974.716.575	557.293.000
	974.716.575	557.293.000

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Bãi xe khu II Đồ Sơn	12.702.172.000	12.702.172.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNGSố 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	88.604.353.810	81.650.795.825
	88.604.353.810	81.650.795.825
Trong đó:		
<i>Doanh thu hoạt động thường xuyên</i>	<i>52.055.248.367</i>	<i>52.800.705.734</i>
<i>Doanh thu hoạt động không thường xuyên</i>	<i>36.549.105.443</i>	<i>28.850.090.091</i>
	88.604.353.810	81.650.795.825

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	77.096.515.085	70.851.863.923
	77.096.515.085	70.851.863.923
Trong đó:		
<i>Giá vốn hoạt động thường xuyên</i>	<i>43.696.642.953</i>	<i>43.553.404.624</i>
<i>Giá vốn hoạt động không thường xuyên</i>	<i>33.399.872.131</i>	<i>27.298.459.299</i>
	77.096.515.084	70.851.863.923

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	214.294.360	193.067.525
	214.294.360	193.067.525

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.951.984.741	6.012.965.507
Chi phí khác bằng tiền	3.241.855.315	3.230.112.433
	9.193.840.056	9.243.077.940

21 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập khác	226.359.999	857.907.157
	226.359.999	857.907.157

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNGSố 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

22 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí khác	1.446	6.030.831
	1.446	6.030.831

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.754.651.582	2.600.797.813
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.754.651.582	2.600.797.813
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	550.930.316	521.365.729
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	596.069.102	462.927.421
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(721.365.729)	(388.224.048)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	425.633.689	596.069.102

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.203.721.266	2.079.432.084
Các khoản điều chỉnh:	-	-
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	-
- ...	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.203.721.266	2.079.432.084
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.102	1.040

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNGSố 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương	5.668.503.470	-	10.104.613.441	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.495.526.713	-	14.548.855.434	-
Các khoản cho vay	450.000.000	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	35.614.030.183	-	24.653.468.875	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	16.050.166.716	7.101.258.252
Chi phí phải trả	17.643.434	1.543.569.254
	16.067.810.150	8.644.827.506

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

- Rủi ro tiền tệ: Công ty không chịu rủi ro tiền tệ vì các giao dịch chủ yếu phát sinh bằng VND
- Rủi ro lãi suất: Công ty không chịu rủi ro lãi suất vì không có các khoản vay và nợ phải chịu lãi.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNGSố 8 khu I Vạn Sơn, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	16.050.166.716	-	-	16.050.166.716
Chi phí phải trả	17.643.434	-	-	17.643.434
	<u>16.067.810.150</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>16.067.810.150</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	7.101.258.252	-	-	7.101.258.252
Chi phí phải trả	1.543.569.254	-	-	1.543.569.254
	<u>8.644.827.506</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.644.827.506</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp/có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính

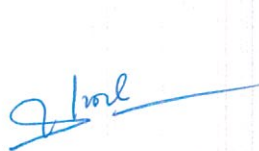
26 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2019</u> VND	<u>Năm 2018</u> VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	894.298.103	875.381.098
Thu nhập, thù lao của Hội đồng quản trị	1.444.112.357	1.040.882.590

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán.


Phạm Thị Thu Hằng
Người lập


Nguyễn Thị Luân
Kế toán trưởng




Đỗ Trọng Nam
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 03 năm 2020